

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày 01-04-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Doan;

Ông Nguyễn Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Quang Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2025; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1991; nơi ĐKTT: Thôn M, xã T (nay là xã T), huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường H, thành phố T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Xuân L, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn M, xã T (nay là xã T), huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện nay đang chấp hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Bệnh viện T1; địa chỉ: Xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Bùi Xuân L: Bà Trần Thị T, sinh năm 1959 (mẹ đẻ anh Bùi Xuân L); nơi cư trú: Thôn M, xã T (nay là xã T), huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh Bùi Xuân L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T), huyện T, thành phố Hải Phòng ngày 12-05-2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xô xát nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ đầu năm 2017 đến nay chị và anh L đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Tại bản án số 899/2022/HS-PT ngày 21-12-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xử phạt anh L 07 năm tù về tội giết người. Sau đó anh L bị bệnh tâm thần, mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với anh L. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên chị yêu cầu được ly hôn anh L. Anh chị có 01 con chung là Bùi Ngọc Tâm A, sinh ngày 22-3-2016; chị nhận nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con. Chị hiện là công nhân, thu nhập khoảng 8 triệu/tháng, đủ điều kiện nuôi con. Anh L hiện đang chấp hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Bệnh viện T1 nên không đủ điều kiện nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của anh Bùi Xuân L là bà Trần Thị T trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Bùi Xuân L, mẹ chồng chị Nguyễn Thị Đ; bố đẻ anh L là ông Bùi Văn L1 (sinh năm 1959, chết năm 2003). Bà xác nhận các thông tin về thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, ly thân và con chung như chị Đ trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị không hợp nhau, không quan tâm nhau chia sẻ với nhau về kinh tế cũng như cuộc sống gia đình. Do mâu thuẫn nên từ năm 2017 chị Đ đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thành phố T đến nay, từ đó anh chị sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Năm 2022, anh L bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội giết người. Sau đó anh L bị tâm thần, mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, hiện nay anh L đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Bệnh viện T1. Nay, chị Đ có yêu cầu ly hôn anh L, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Đ. Anh chị có 01 con chung là Bùi Ngọc Tâm A, sinh ngày 22-3-2016; đề nghị Tòa án giao cháu A cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh L, thể hiện: Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn M, xã T, huyện T và hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian gian thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; từ năm 2017 chị Đ đã về nhà bố mẹ đẻ ở thành phố T. Hiện anh L đang điều trị tại Bệnh viện T1. Nay, chị Đ có yêu cầu ly hôn anh L tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh chị có 01 con chung là Bùi Ngọc Tâm A, sinh ngày 22-3-2016, hiện đang sinh sống với chị Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện cơ bản đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn quan hệ nhân: Mâu thuẫn tình cảm giữa chị Đ và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ được ly hôn anh L; giao con chung Bùi Ngọc Tâm A, sinh ngày 22-3-2016 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung do đương sự không yêu cầu. Chị Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Đ khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Bùi Xuân L tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng. Bị đơn là anh L cư trú tại xã T (nay là xã T), huyện T, thành phố Hải Phòng nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Nguyễn Thị Đ và anh Bùi Xuân L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T), huyện T, thành phố Hải Phòng ngày 12-05-2015 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Chị Đ và người đại diện hợp pháp của anh L trình bày phù hợp với nhau và phù hợp các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, anh chị sống chung tại thôn M, xã T, huyện T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất hoà nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ đầu năm 2017 đến nay, anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Đ và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Đ được ly hôn anh L.

[5] Về con chung: Chị Đ và anh L có 01 con chung là Bùi Ngọc Tâm A, sinh ngày 22-3-2016. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau. Hiện nay anh L đang chữa bệnh bắt buộc, nên không đủ điều kiện nuôi con; chị Đ có công việc, thu nhập ổn định và từ khi anh chị sống ly thân đến nay con Bùi Ngọc Tâm A chung sống cùng mẹ, con sống vui vẻ, phát triển bình thường. Như vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con, nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con Bùi Ngọc Tâm A cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con kể từ ngày 01-04-2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Bùi Xuân L.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi con chung Bùi Ngọc Tâm A, sinh ngày 22 tháng 3 năm 2016. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 01 tháng 04 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009182 ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã Toàn Thắng (nay là xã Tân Minh), huyện Tiên Lãng (ĐKKH năm 2015);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

